TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 165/2026/DS-ST Ngày 17- 4 -2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Vân và bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 426/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2026/QĐST-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S, địa chỉ trụ sở: Số B đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Tấn D1, chức vụ: Tổng giám đốc công ty S1, (văn bản ủy quyền số 3815 ngày 10/12/2024)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Dương Đức T, chức vụ: Phó tổng giám đốc (văn bản ủy quyền số 175G ngày 10/12/2024)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh T1, chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần S (văn bản ủy quyền số 236 ngày 20/01/2025), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Hồ Như C, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ngày 14/12/2018, ông Hồ Như C ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã cấp 02 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông C1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69.660.465 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông C1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 70.507.462 đồng. Tuy nhiên, ông C1 không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C1 không có thiện chí trả nợ. Ông C1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi ký kết hợp đồng, ngày 23/07/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định. Tính đến ngày 17/4/2026, Ông C1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 44.632.129 đồng, trong đó nợ gốc 13.197.427 đồng, nợ lãi quá hạn 31.434.702 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Như C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/4/2026 là 44.632.129 đồng. Yêu cầu ông C có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2026 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Hồ Như C: Quá trình tố tụng ông C đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tống đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập ông C để tham gia các phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên họp, phiên tòa vào các ngày 30/01/2026, 17/3/2026 và ngày 17/4/2026 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Như C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 17/3/2026 và ngày 17/4/2026 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn, giao dịch tín dụng cho vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/12/2018 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Hồ Như C do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, hợp đồng trên không trái quy định pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực, các bên phải thực hiện.

[2.2] Đối với bị đơn, quá trình tố tụng giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông C, để ông C có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông C vắng mặt trong suốt thời gian tố tụng giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Bị đơn, ông C có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông C không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

[2.3] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/12/2018 giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn ông Hồ Như C; căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện ông C đã được cấp 02 thẻ tín dụng gồm thẻ số 3467492439 và thẻ số 3521643936 với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng. Ông C đã thực hiện các giao dịch thông qua hai thẻ tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 69.660.465 đồng; ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 70.507.462 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/07/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông C và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc ông Hồ Như C thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 17/4/2026, Ông C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 44.632.129 đồng, trong đó: nợ gốc là 13.197.427 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.434.702 đồng là có căn cứ. Ông C phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận giữa hai bên.

[2.4] Hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/12/2018, thể hiện thông tin cá nhân chủ thẻ chính "Họ và tên Hồ Như C

” thông tin nghề nghiệp “Tên đơn vị công tác hoặc làm chủ công ty cổ phần C2”, chức danh “Chuyên viên”. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/12/2018 áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân, không thể hiện mục đích cho vay nhằm mục đích phục vụ, phát triển công ty và nguyên đơn xác định mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, nên công ty cổ phần C2 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Vì vậy Hội đồng xét xử không đưa công ty cổ phần C2 tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Hồ Như C về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Hồ Như C thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến hết ngày 17/4/2026 là 44.632.129 đồng, trong đó: nợ gốc là 13.197.427 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.434.702 đồng.

Kể từ ngày 18/4/2026, ông Hồ Như C tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Như C phải chịu 2.231.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 919.949 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008199 ngày 29/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Chi cục THADS thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND thành phố Hồ Chí Minh(1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh